

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ PHÚC NHÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ PHÚC NHÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC NHAN ELECTRIC - ELECTRONICS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHÚC NHÂN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702929398

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

249/27, đường Thích Quảng Đức, Tổ 95, Khu 10, Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0592300033

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn hàng kim khí điện máy. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị ngành điện lạnh. Bán buôn máy móc, thiết bị ngành cấp thoát nước, xử lý nước, camera quan sát, chống cháy, chống trộm. | 4659     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4663     |
| 4.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7020     |
| 5.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất. Thiết kế hệ thống điện, nhiệt lạnh công trình dân dụng và công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                       | 7410     |
| 6.  | Đào tạo trung cấp<br>Chi tiết: Đào tạo dạy nghề.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8532     |
| 7.  | Trồng cây lâu năm khác<br>Chi tiết: Trồng cây công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0129     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi<br>Chi tiết: Sản xuất, chế biến hàng lương thực thực phẩm (không sản xuất, chế biến tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                 | 0162     |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp<br>Chi tiết: Sản xuất, cung cấp cây giống (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0240     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 10. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1020                                                         |
| 11. | Phá dỡ<br>Chi tiết: Phá dỡ. Chuẩn bị mặt bằng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4311                                                         |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321(Chính)                                                  |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). | 4322                                                         |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống viễn thông, xử lý nước, camera quan sát, chống cháy, chống trộm (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                | 4329                                                         |
| 15. | Sửa chữa thiết bị khác<br>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị ngành điện, điện tử, cơ khí (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                     | 3319                                                         |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101                                                         |
| 17. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                | 4299                                                         |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                      | 4620                                                         |
| 20. | Bán buôn thực phẩm<br>(Không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Mua bán hàng lương thực thực phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632                                                         |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330                                                         |
| 22. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3900                                                         |
| 23. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8121                                                         |
| 24. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                                                                                  | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THANH NHÂN Giới tính: Nữ  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 04/07/1986 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy chứng thực cá nhân: 025477451  
Ngày cấp: 07/07/2011 Nơi cấp: CA. TP Hồ Chí Minh  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 249/27, đường Thích Quảng Đức, Tổ 95, Khu 10,  
Phường Chánh Nghĩa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam  
Chỗ ở hiện tại: 249/27, đường Thích Quảng Đức, Tổ 95, Khu 10, Phường Chánh Nghĩa,  
Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương